

THIẾT CHẾ CHÍNH TRỊ - PHÁP LÝ THỜI LÊ SƠ

TRƯƠNG VĨNH KHANG *

Tóm tắt: *Thiết chế chính trị - pháp lý thời Lê Sơ* đã có những đóng góp quan trọng trong sự phát triển cực thịnh trên nhiều lĩnh vực của xã hội Đại Việt đương thời. Chính quyền Trung ương quản lý đất nước thông qua các bộ và các cơ quan chức năng. Các bộ có quyền hạn lớn nhưng bị giám sát chặt chẽ và bị điều tiết bởi các cơ quan chức năng. Đội ngũ quan lại được đào tạo theo hướng chuyên nghiệp. Các quan lại cao cấp được trả lương bổng cao để liêm khiết và trung thành với chế độ quân chủ. Đề cao vai trò của pháp luật trong cai trị đất nước và quản lý xã hội. Thiết lập bộ máy quản lý hành chính đến cấp xã, hạn chế thiết chế tự quản làng xã. Do quản lý được ruộng đất nên Nhà nước quân chủ có tiềm lực kinh tế mạnh mẽ.

Từ khoá: Nhà nước, quan lại, pháp luật, thiết chế, Luật Hồng Đức, Phan Huy Chú, Lê Văn Hưu, khoa cử.

Trong tiến trình lịch sử Việt Nam, thời Lê sơ kéo dài từ năm 1428 đến năm 1527 là giai đoạn nước Đại Việt bước vào kỷ nguyên phát triển cực thịnh và được coi là thời kỳ hoàng kim của chế độ phong kiến Việt Nam. Trong giai đoạn Lê Thánh Tông trị vì, chế độ nhà nước phong kiến quan liêu đã đạt tới sự ổn định, kỷ cương và thịnh trị được coi vào bậc nhất trong chế độ phong kiến Việt Nam. Các sử gia phong kiến hay hiện đại đều có chung một đánh giá về sự ổn định và thành tựu ở nhiều lĩnh vực trong giai đoạn Lê Thánh Tông.

Lê Thánh Tông đã thực hiện công cuộc cải cách toàn diện trên các lĩnh vực quân sự, hành chính, kinh tế, giáo dục, tôn giáo và luật pháp; đã xây dựng được một nhà nước quân chủ tập quyền quan

liêu hùng mạnh trên nhiều lĩnh vực mà các triều đại trước chưa thể thực hiện.

Từ góc độ của khoa học pháp lý có thể thấy những vấn đề quan trọng nhất của thiết chế chính trị - pháp lý thời Lê sơ là *các định chế*: tổ chức bộ máy Nhà nước, chế độ quan lại và các định chế pháp lý.

1. Tổ chức bộ máy nhà nước

1.1. Tổ chức bộ máy nhà nước ở Trung ương

“Bắt đầu từ đây cấu trúc mô hình lục Bộ của chính quyền Trung ương được xây dựng hoàn bị. Chức năng của từng Bộ được quy định rõ ràng”. “Điều đặc biệt của tổ chức quyền lực thời Lê sơ là mặc dù tính chất tập trung quyền lực rất

(*) Thạc sĩ, Viện Nhà nước và Pháp luật.

cao, nhưng lại có cơ chế điều tiết nhằm hạn chế cực quyền. Đó là cơ chế lục Khoa”⁽¹⁾.

Hệ thống các cơ quan nhà nước ở Trung ương được quy định rõ ràng về chức năng nhiệm vụ, có cơ quan chuyên môn là các Bộ, có nhóm các cơ quan văn phòng và cơ quan kiểm soát nhằm giúp việc cho vua thực hiện quyền lực của mình trong việc cai trị đối với hầu hết các lĩnh vực của đời sống xã hội Đại Việt thời Lê sơ. Bộ Lễ là bộ quan trọng trong chế độ phong kiến vì nó giúp vua thực hiện lễ giáo phong kiến, qua đó thể hiện uy quyền của vua và trật tự phong kiến. Chức năng của Bộ Lễ phụ trách việc lễ nghi, tế tự, tiệc tùng, thi cử và học hành, quản lý lễ nghi của quan lại, đúc ấn tín, quản lý cơ quan Tư thiên giám, Thái y viện. Bộ Lại có chức năng giúp vua quản lý toàn bộ đội ngũ quan lại trong cả nước, bao gồm các công việc tuyển dụng, bổ nhiệm, thăng chức, giáng chức, phong tước phẩm và khảo xét quan lại. Bộ Hộ có chức năng giúp vua quản lý về ruộng đất, tài chính, tô thuế kho tàng, hộ khẩu, lương của quan và quân trong cả nước. Bộ Hình có chức năng giúp vua quản lý về hình pháp, xét xử và ngục tụng. Bộ Công có chức năng giúp vua trông coi công việc sửa chữa, xây dựng cung điện, đường xá, cầu cống, thành trì..., quản lý các công xưởng, thợ thuyền của Nhà nước. Bộ Binh có chức năng giúp vua quản lý về lĩnh vực quân sự như tuyển quân, huấn luyện quân đội, quân trang và khí giới,

trông coi việc trấn giữ các nơi biên ải và ứng phó với các tình hình khẩn cấp.

Bên cạnh sáu Bộ chuyên trách giúp việc cho vua ở Trung ương, còn có nhóm các cơ quan chuyên môn, văn phòng giúp việc cho vua. *Ngự Sử Đài* có chức năng giúp việc cho vua kiểm soát đội ngũ quan lại và giám sát việc thực thi pháp luật. Theo Phan Huy Chú, chức năng của cơ quan này là giữ phong hóa pháp độ. Theo Lê Quý Đôn chức năng của cơ quan này là xem xét, chấn chỉnh kỷ cương trong triều. *Thông Chính Ty* có chức năng chuyển đạt công văn, chỉ dụ của nhà vua tới dân và chuyển đệ đơn từ của dân chúng lên triều đình. *Quốc Tử Giám* có chức năng trông coi Văn Miếu, giáo dục và đào tạo sĩ tử. *Quốc Sử Viện* có chức năng ghi chép và biên soạn sử của vương triều. *Tư Thiên Giám* có chức năng làm lịch, dự báo thời tiết, dự đoán điều lành điều gở. *Thái Y Viện* có chức năng chăm sóc sức khỏe, chữa bệnh cho vua và triều đình, quản lý y dược trong cả nước.

Cùng tồn tại với các bộ, các cơ quan văn phòng dưới thời Lê sơ, Nhà nước tổ chức thêm hai nhóm cơ quan, gồm lục Tự và lục Khoa. *Lục Tự* được lập ra để trông coi những công việc mà lục bộ không quản lý hết được. Theo Phan Huy Chú, thì “sáu tự để thừa hành việc

⁽¹⁾ Vũ Minh Giang (2008), *Những đặc trưng cơ bản của bộ máy quản lý đất nước và hệ thống chính trị nước ta: trước thời kỳ đổi mới*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr. 20 - 26.

vật”⁽²⁾. Lục tự là cơ quan trực thuộc nhà vua. *Lục Khoa*, theo đạo dụ hiệu định quan chế của Lê Thánh Tông có chức năng và nhiệm vụ của cơ quan này như sau: “Phát tiền, thu tiền là chức việc của Bộ Hộ mà giúp vào việc đó phải có Khoa Hộ, Bộ Lại tuyển dụng không đúng nhân tài thì Khoa Lại được quyền bác đổi, Bộ Lễ nghi chế mất trật tự thì Khoa Lễ được quyền đàn hặc, Khoa Hình được bàn về việc xử đoán của Bộ Hình trái hay phải, Khoa Công được kiểm về việc làm của Bộ Công chăm hay lười”⁽³⁾. Như vậy lục Khoa trực thuộc nhà vua, có chức năng giám sát và kiểm soát lục bộ, từng khoa giám sát từng bộ tương ứng.

Cùng với quá trình hình thành, xác lập và phát triển của chế độ phong kiến, Nhà nước thời Lê Thánh Tông đánh dấu một trình độ phát triển cao của xu thế nói trên. Đó là một hệ thống chính quyền phong kiến tập trung cao độ, thể hiện sức mạnh chi phối của triều đình xuống địa phương và quyền chuyên chế tuyệt đối của nhà vua.

Như vậy, về tổ chức chính quyền Trung ương thời Lê sơ, nhiều nhà nghiên cứu có chung nhận xét rằng, mô hình nhà nước ở Trung ương thời Lê Sơ là mô hình *Nhà nước quân chủ tập quyền quan liêu*, tổ chức bộ máy nhà nước ở Trung ương đã hoàn thiện, chức năng nhiệm vụ của các cơ quan được quy định rõ ràng, cơ chế thực hiện nhiệm vụ của các cơ quan có sự phối hợp và kiểm soát lẫn nhau trong thực thi

quyền lực nhà nước nhằm đảm bảo quyền lực tối cao của nhà vua.

1.2. Tổ chức chính quyền địa phương

Thời Lê sơ đã tiến hành cuộc cải cách hành chính rất lớn. Một trong những nội dung là cải cách bộ máy hành chính ở địa phương. Kết quả là đã thiết lập được hệ thống các cơ quan hành chính địa phương đồng bộ và thống nhất nhằm thực thi quyền lực nhà nước một cách hiệu quả. Mô hình tổ chức bộ máy nhà nước ở địa phương thời Lê sơ được thiết kế nhằm chống lại xu hướng cát cứ của địa phương.

Hệ thống chính quyền địa phương thời Lê sơ được cải cách và hoàn thiện từng bước theo thời gian, quá trình cải cách được thực hiện từ năm 1465 và đến năm 1490 thì hoàn thành. Kết quả là tạo ra mô hình nhà nước với các cấp chính quyền địa phương về cơ cấu cũng như quyền hạn và cơ chế phối hợp thực hiện chức năng khác hẳn so với mô hình nhà nước thời Lý, Trần, Hồ trước đó. Chính quyền được chia thành 4 cấp: thứ nhất là cấp đạo - xứ (đạo còn gọi là xứ thừa tuyên); thứ hai là cấp phủ; thứ ba là cấp huyện - châu và cuối cùng là cấp xã. Năm 1490, cả nước có 13 xứ thừa tuyên, 52 phủ, 178 huyện, 50 châu và 6581 xã⁽⁴⁾.

Sở dĩ thời Lê sơ chính quyền được

(2),(3) Phan Huy Chú (1992), *Lịch triều hiến chương loại chí*, tập 2, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội, tr. 33.

(4) Lê Minh Tâm (2010), *Giáo trình lịch sử Nhà nước và Pháp luật Việt Nam*, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội, tr. 158-159.

chia thành các đạo vì ba nguyên nhân sau: *Thứ nhất*, là nhằm hạn chế tiềm lực và thể lực của các lực lượng phong kiến địa phương, ngăn chặn sự cát cứ và tạo điều kiện để chính quyền cấp đạo quản lý địa phương có hiệu quả hơn. *Thứ hai*, là không để quyền hành ở đạo tập trung vào tay một người, mà tản ra cho cơ quan Tam ty. *Thứ ba*, là nhằm giám sát chặt chẽ chính quyền cấp đạo.

Cấp phủ là cấp hành chính dưới cấp đạo; có chức năng truyền lệnh từ trên xuống đến các huyện, châu; đôn đốc, thúc đẩy, kiểm tra việc thi hành thu nộp thuế khóa, lao dịch và binh dịch. Ở cấp phủ có chức quan chuyên trách là Hà Đê sứ và khuyến nông, chức quan này chuyên quản lý các công việc về trị thủy và sản xuất nông nghiệp.

Cấp châu, huyện là cấp hành chính dưới cấp phủ (huyện ở miền núi gọi là châu). Chức năng của quan huyện - châu theo sắc dụ năm 1471 là “đi xét trong hạt, bờ biển, chỗ nào có thể làm ruộng được, các đê bồi, ngòi cù, chỗ nào có thể đắp được cùng là chỗ nào có giống hổ lang làm hại, có kẻ cường hào xúi giục kiện tụng, phong tục điều bạc, nhân dân đau khổ, hết thấy các việc tiện lợi nên làm, những mối tệ hại nên bỏ”.

Cấp xã là cấp hành chính cơ sở. Dưới thời Lê sơ cấp xã được chú trọng cải cách vì đây là nơi cung cấp sức người, sức của (thuế, sưu, lính) cho Nhà nước. Thời Lê sơ đã thực hiện ba biện pháp để cải cách cấp xã: Thứ nhất là, phân định lại các xã, đại xã 500 hộ trở lên, trung xã 300 hộ, tiểu xã dưới 100 hộ. Thứ hai

là, đặt tiêu chuẩn của xã trưởng mặc dầu xã trưởng là do dân bầu. Thứ ba là, hạn chế và kiểm duyệt hương ước.

1.3. Thủ lĩnh chính trị (nhà vua)

Thủ lĩnh chính trị (nhà vua) là một yếu tố quan trọng ảnh hưởng tới mô hình chính trị - pháp lý trong điều kiện xã hội quân chủ tập quyền. Một trong những vị vua điển hình thời Lê sơ kiến tạo được thiết chế chính trị - pháp lý là Lê Thánh Tông. Ông là một trong những vị vua ở ngôi lâu nhất và được xem là vị vua đa tài nhất trong số các vị vua nước Việt. Cuộc đời Lê Thánh Tông là một cuộc đời hoạt động đầy sôi nổi, đầy nhiệt huyết trên mọi lĩnh vực, mà lĩnh vực nào cũng tỏ ra xuất sắc. Triều đại do ông xây dựng và điều hành ở thế kỷ XV đã phát triển đến đỉnh cao của Nhà nước Đại Việt quân chủ tập quyền.

Vua Lê Thánh Tông được các sử gia và các nhà nghiên cứu đánh giá là một nhà chính trị tài năng, có tư tưởng cải cách và thực hiện công cuộc cải cách trên các lĩnh vực hành chính (tổ chức bộ máy nhà nước), pháp luật cùng nhiều lĩnh vực khác của đời sống xã hội. Nhờ có công cuộc cải cách này, Lê Thánh Tông đã xây dựng được bộ máy hành chính năng động, nhạy bén, có hiệu quả cao, có đội ngũ quan lại thanh liêm, chuyên nghiệp, mẫn cán. Cuộc cải cách đã làm cho xã hội phát triển trên nhiều phương diện: kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội, an ninh, quốc phòng; đồng thời đã tạo ra được một mô hình nhà nước quân chủ phong kiến mẫu mực cho các triều đại phong kiến tiếp theo học tập.

Một trong những yếu tố quyết định có tính tích cực và đặc sắc của thiết chế chính trị - pháp lý thời Lê sơ là vai trò quan trọng của thủ lĩnh chính trị (hoặc lực lượng có quyền ra quyết định chính trị) trong mọi giai đoạn của lịch sử. Kết quả đó còn là cơ sở tư liệu cần thiết để nhận diện chính xác những giá trị của thiết chế chính trị - pháp lý thời Lê sơ được thể hiện ở những phương diện cụ thể như sau:

Thứ nhất: Nội dung của công cuộc cải cách hành chính trong lĩnh vực tổ chức bộ máy nhà nước là bỏ các cơ quan trung gian (bỏ chức Tể tướng), tăng cường chức năng, nhiệm vụ cho các cơ quan cấp bộ, thiết lập cơ chế kiểm soát trong các cơ quan khi thực hiện nhiệm vụ (lục khoa, lục bộ), kiểm soát hệ thống chính quyền địa phương (cơ quan Tam ty). Điều đó xây dựng nhà nước tập quyền quan liêu mạnh, quyền lực tập trung trong tay nhà vua. Đây là kinh nghiệm về tổ chức bộ máy Nhà nước cần được nghiên cứu tiếp thu.

Thứ hai: Trong công cuộc cải cách pháp luật thời Lê sơ, một trong những yếu tố rất quan trọng quyết định sự thành công là tư tưởng trọng pháp luật của nhà vua. Lê Thánh Tông đã nỗ lực xây dựng và tổ chức thực hiện Bộ luật Hồng Đức. Đây chính là cơ sở để khẳng định giá trị lịch sử và đương đại trong xây dựng Nhà nước và pháp luật. Một trong những yếu tố để xây dựng Nhà nước vững mạnh, kỷ cương và phát triển là phải đề cao vai trò của pháp luật, tôn trọng pháp luật.

Thứ ba: Công cuộc cải cách chế độ quan lại dưới thời Lê Thánh Tông đã chú trọng đến vấn đề tuyển chọn quan lại thông qua khoa cử. Lê Thánh Tông đặc biệt quan tâm và đã xây dựng được một đội ngũ quan lại đáp ứng các tiêu chuẩn trên cơ sở đề cao đạo đức, phẩm hạnh, tài năng, học vấn, trí tuệ, chuyên nghiệp.

2. Chế độ quan lại thời Lê sơ

Quan lại ở thời Lê sơ đóng vai trò quan trọng trong việc xây dựng nhà nước quân chủ tập quyền quan liêu mạnh. Nhiều nhà sử học và nghiên cứu chỉ ra rằng, trong công cuộc cải cách hành chính dưới triều Lê sơ, việc chấn chỉnh chế độ quan lại từ tuyển chọn, bổ nhiệm, sử dụng đến chế độ khảo thí, khảo khóa đều dựa trên nguyên tắc đề cao phẩm hạnh, đạo đức, trí tuệ, học vấn của người đó; chế độ thưởng phạt rõ ràng, công minh.

Hai công trình chuyên khảo được biên soạn vào cuối thế kỷ XVIII đầu thế kỷ XIX là *Văn kiến tiểu lục* của Lê Quý Đôn và *Lịch triều hiến chương loại chí* của Phan Huy Chú chứa đựng nhiều tri thức khoa học quý báu về chế độ quan lại thời Lê sơ.

Trong *Văn kiến tiểu lục*, những vấn đề về giáo dục, khoa cử, tuyển chọn, bổ nhiệm quan chức được Lê Quý Đôn khảo cứu, hệ thống lại với những nhận xét tinh tế và chính xác. Nhiều nội dung về giáo dục, khoa cử, quan chế, chế độ phong kiến quan liêu Việt Nam trong *Lịch triều hiến chương loại chí* cũng được Phan Huy Chú phân loại, hệ thống

lại một cách rành mạch, rõ ràng⁽⁵⁾.

Trong hai tác phẩm trên, Lê Quý Đôn và Phan Huy Chú đã hệ thống lại những thể lệ thi hương, hội, đình, những quy định về ban yến, vinh quy của các đời một cách công phu và cụ thể. Cách tuyển bổ quan lại ở thời kỳ này là khoa cử, bảo cử, âm sung; đồng thời cũng chỉ ra quyền hạn, trách nhiệm của quan lại, biện pháp kiểm tra, giám sát và trừng trị quan lại phạm pháp.

Việc tuyển chọn đội ngũ quan lại đủ tài, đủ đức để gánh vác trọng trách được giao; cơ chế tuyển dụng quan lại năng động, phù hợp với các điều kiện kinh tế, xã hội đương thời; cơ chế giám sát hoạt động của quan chức chặt chẽ. Thời Lê sơ các hình thức tuyển dụng quan lại được quy định chặt chẽ và tổ chức tốt hơn các thời kỳ phong kiến Đại Việt trước đó. Việc tuyển chọn quan lại được thực hiện thông qua các hình thức như: thi tuyển, bảo cử và tập ẩm. Trong 3 hình thức tuyển dụng đó, thì thi tuyển là hình thức phổ biến nhất để chọn lựa quan lại. Trong các kỳ thi tuyển, tất cả mọi công dân trong nước đều được phép dự thi không kể nguồn gốc xuất thân, ngoại trừ những người mắc các tội bất hiếu, bất mục, loạn luân, con đàn, con hát, những người can tội bệ đảng với bọn phản nghịch (điều 628, 629 *Bộ Luật Hồng Đức*)⁽⁶⁾.

Về chế độ kiểm tra, sát hạch quan lại thời Lê sơ, Lê Thánh Tông đã cho lập ra 6 khoa ở Trung ương và Ngự sử đài ở 13 thừa tuyên để kiểm tra các công việc hành chính của các bộ và quan lại ở

Trung ương và địa phương. Nhằm nâng cao năng lực của quan lại và khả năng trau dồi đạo đức, loại bỏ kịp thời quan lại tha hóa biến chất, thời Lê sơ đã đặt ra lệ khảo thi và khảo khóa. Cứ 3 năm 1 lần quan lại từ nhất phẩm đến cửu phẩm phải khảo thi và 9 năm 1 lần phải khảo khóa nhằm kiểm tra xem xét có thanh liêm, mẫn cán, xứng đáng với chức vụ được nhà vua giao hay không.

Vấn đề tuyển dụng quan chức thời Lê sơ đã làm rõ thêm về đối tượng, tiêu chuẩn tuyển dụng quan lại và thẩm quyền của cơ quan tuyển dụng. Đối tượng tuyển dụng quan lại gồm 2 loại: Loại thứ nhất là những người chưa bao giờ làm quan, được tuyển dụng chủ yếu từ những người có học hành thông qua thi cử. Loại thứ hai là những người đang làm quan (nhóm quan lại được tuyển dụng từ những người thân huân quan bảo cử hoặc tập ẩm), nhưng cần thăng giáng, chuyển chuyên hoặc đào tạo lại. Đối tượng tuyển chọn quan lại chính là những người hiền tài. Đây là tiêu chuẩn được sử dụng phổ biến hơn tiêu chuẩn thân huân. Ngay từ năm 1429, vua Lê Lợi đã ban chiếu tiến cử người hiền tài. Tác giả Phan Bội Sơn đã nêu rõ: Bộ Lại là cơ quan có thẩm quyền và vai trò quan trọng đặc biệt trong việc tuyển dụng quan chức thời Lê sơ, đồng thời

⁽⁵⁾ Phan Huy Chú (1961), *Lịch triều hiến chương loại chí, Quan chức chí*, tập 2, Nxb Giáo dục, Hà Nội, tr. 12-102.

⁽⁶⁾ Viện sử học (1991), *Quốc triều hình luật - luật hình triều Lê*, Nxb Pháp lý, Hà Nội, tr. 214-215.

Nhà nước cũng có cơ chế giám sát việc tuyển dụng quan lại của Bộ Lại nhằm mục đích xây dựng được bộ máy hành chính quan liêu chuyên nghiệp. Năm 1471, vua Lê Thánh Tông ra lệnh: nếu Bộ Lại tuyển dụng không đúng nhân tài, thì Lại Khoa được quyền bác đời⁽⁷⁾.

Nhà nước phong kiến Đại Việt thời Lê sơ đã sử dụng phương thức thi cử để tuyển chọn quan lại vào bộ máy nhà nước. Đây là phương thức phổ biến nhất và cơ bản nhất trong tuyển dụng quan lại thời kỳ này. Nhờ đó thời Lê sơ có được một bộ máy Nhà nước phong kiến đồng bộ và tiến bộ trong lịch sử phong kiến Việt Nam. Theo thống kê, trong giai đoạn 1075-1919 có tổng số 2.877 người đỗ tiến sĩ trong các kỳ thi Đại khoa học vị tiến sĩ, trong đó riêng dưới triều Lê đã chiếm 1.011 người, và có tới 902 tiến sĩ được tuyển dụng vào làm việc trong bộ máy Nhà nước. Trong tổng số 182 kỳ thi Đại khoa học vị tiến sĩ giai đoạn 1075-1919, thì thời Lê sơ chiếm tới 31 khoa⁽⁸⁾.

3. Định chế pháp lý

3.1. Về hệ thống pháp luật thời Lê sơ (quy định quan phương)

Pháp luật thời Lê sơ được xây dựng và áp dụng khá hoàn thiện và là một trong những sản phẩm của cuộc cải cách hành chính giai đoạn vua Lê Thánh Tông trị vì. Nhiều nghiên cứu đã chỉ ra bức tranh tổng thể về hệ thống pháp luật thời Lê sơ, về cấu trúc của bộ hình luật và hệ thống các văn bản pháp luật triều Lê, về nguồn gốc, quá trình hình thành pháp luật và các lĩnh vực của đời sống

xã hội mà Nhà nước thời Lê sơ quản lý bằng pháp luật, về quản trị xã hội của Nhà nước phong kiến trên cơ sở kết hợp giữa lễ và hình, giữa pháp luật và đạo đức, giữa pháp luật và phong tục tập quán. Các nghiên cứu cho rằng hệ tư tưởng Nho giáo là hệ tư tưởng chính trị chính thống của triều Lê. Nó đã ảnh hưởng sâu sắc đến các quy định pháp luật thời Lê sơ⁽⁹⁾. Nhiều nghiên cứu đã làm rõ các chế định trong Bộ luật Hồng Đức như: chế định hình sự, dân sự, hôn nhân gia đình, tố tụng, nội dung và giá trị của nó trong lịch sử cũng như đương đại. “Bộ luật Hồng Đức là bộ luật có tác động mạnh mẽ, toàn diện, sâu rộng, đem lại nhiều chuyển biến về cơ bản đến toàn bộ hoạt động đương thời của bộ máy vương quốc, của xã hội và đến tận cùng của người dân. Bộ luật đã góp phần khôi phục kỉ cương phép nước đã từng bị buông lỏng. Bộ luật có tính ổn định lâu dài”⁽¹⁰⁾.

Nhận định về giá trị đương đại của Bộ luật Hồng Đức, nhà nghiên cứu Lê

⁽⁷⁾ Phan Bội Sơn (2006), "Một số vấn đề về luật tục và mối quan hệ giữa luật tục và pháp luật ở Việt Nam", Luận văn thạc sĩ Luật học, tr. 49-59.

⁽⁸⁾ Lê Thị Thanh Hòa (2011), *Nhà nước phong kiến Việt Nam với việc sử dụng các Đại khoa học vị tiến sĩ (1075-1919)*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội, tr. 513-515.

⁽⁹⁾ Viện Khoa học Pháp lý (2008), *Quốc triều hình luật những giá trị lịch sử và đương đại góp phần xây dựng Nhà nước pháp quyền ở Việt Nam*, Nxb Tư pháp, Hà Nội, tr. 9-10.

⁽¹⁰⁾ Lê Đức Tiết (2010), *Bộ luật Hồng Đức di sản văn hóa pháp lý đặc sắc của Việt Nam*, Nxb Tư pháp, Hà Nội, tr. 12-13.

Đức Tiết viết: “Bộ luật với những tư tưởng lập pháp gần với tư tưởng lập pháp ở hiện đại như tư tưởng độc lập, tự chủ, kỷ cương, giữ nghiêm phép nước, nhân đạo, bình đẳng, tiến bộ, trọng pháp và tư tưởng trọng dân”⁽¹¹⁾. Bên cạnh các giá trị về tư tưởng, thì bộ luật Hồng Đức mang nhiều giá trị về kỹ thuật lập pháp. Mặc dù là một bộ luật tổng hợp chứa đựng nhiều quy phạm pháp luật điều chỉnh các quan hệ xã hội, nhưng nó đã được chia thành các chương có cơ cấu hợp lý điều chỉnh hầu hết các lĩnh vực của đời sống xã hội như hôn nhân, kinh tế, dân sự, hình sự, tố tụng...v.v.⁽¹²⁾

3.2. Các quy định mang tính phi quan phương

Nhà nước phong kiến thời Lê sơ đã sử dụng một cách triệt để các quy phạm xã hội mang tính phi quan phương như: phong tục tập quán, đạo đức, tôn giáo, hương ước, luật tục trong việc điều chỉnh các quan hệ xã hội. Đồng thời họ cũng làm rõ được quá trình luật hóa các phong tục tập quán, hương ước có giá trị và biến chúng thành những quy định mang tính pháp luật. Quá trình văn bản hóa các hương ước, phong tục tập quán được đặt dưới sự kiểm soát của pháp luật. Điều này thể hiện nét đặc sắc của các quy định mang tính phi quan phương trong việc điều chỉnh các quan hệ xã hội. Ở thời Lê sơ, Nhà nước cấm lập tư ước, nhưng lại cho dân lập khoán ước theo trình tự thủ tục nhất định. Trong Lệ 260 của *Hồng Đức thiện chính thư* quy định: “Khi lập ra khoán ước rồi

phải trình lên quan chức các nha môn xem xét các điều lệ có nên theo, sẽ phê chuẩn mà cho thừa hành. Nếu thấy trong khoán ước có điều tư gian tà thì phê chữ bác”⁽¹³⁾.

Lịch sử nước ta, trước hết là lịch sử của cả dân tộc Việt Nam chứ không phải là của một triều đại hay một dòng họ nào. Ở mỗi triều đại, mỗi giai đoạn đều để lại những dấu ấn của mình trong dòng chảy lịch sử văn hóa của dân tộc. Vì vậy, chúng ta cần nhận thấy những nét tương đồng, những giá trị truyền thống cần kế thừa và có khả năng trở thành động lực mạnh mẽ thúc đẩy tiến bộ xã hội. Với ý nghĩa đó, mỗi thời kỳ, mỗi triều đại đều có phần đóng góp của mình vào tiến trình phát triển của xã hội Việt Nam ở những mức độ khác nhau. Thời Lê sơ bên cạnh những yếu tố thúc đẩy sự phát triển khác như về tư tưởng, văn hóa, sức mạnh dân tộc, thì thiết chế chính trị - pháp lý có vai trò và giá trị to lớn cho sự phát triển xã hội Đại Việt thế kỷ XV; đồng thời, là bài học quý giá cho công cuộc xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam hiện nay.

⁽¹¹⁾ Viện Khoa học Pháp lý (2008), *Quốc triều hình luật những giá trị lịch sử và đương đại góp phần xây dựng Nhà nước pháp quyền ở Việt Nam*, Nxb Tư pháp, Hà Nội, tr. 9-10.

⁽¹²⁾ Lê Thị Sơn (2004), *Quốc triều hình luật lịch sử hình thành nội dung và giá trị*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội, tr. 94-95.

⁽¹³⁾ Nguyễn Sĩ Giác (1959), *Hồng Đức thiện chính thư*, Nam Hà ấn quán, Sài Gòn, tr. 103-104.

